

Số: 44 /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên 06 tháng đầu năm 2024
cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
Khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 19

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính về việc tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 và Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị; ý kiến của Sở Tài chính tại Tờ trình số 35/TTr-STC ngày 11/7/2024 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên 06 tháng đầu năm 2024; UBND thành phố kính trình HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 19 xem xét, quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2024 của các cơ quan, đơn vị cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị được UBND thành phố giao tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND với tổng số tiền 6.665.110.000 đồng (Sáu tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm mười nghìn đồng).

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị với tổng số tiền là 20.047.047.311 đồng (Hai mươi tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm mười một đồng) từ các nguồn kinh phí sau:

a) Nguồn kinh phí điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2024 tại khoản 1 nêu trên là 6.665.110.000 đồng;

b) Nguồn kinh phí điều chỉnh giảm dự toán thực hiện theo kiến nghị Kiểm toán nhà nước tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thành phố (số giảm năm 2024 còn lại chưa sử dụng hiện đang quản lý tập trung tại ngân sách thành phố) là 10.514.000.000 đồng;

c) Nguồn chi thường xuyên khác ngân sách thành phố năm 2024 là 2.867.937.311 đồng.

3. Bổ sung dự toán vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách thành phố năm 2024 cho Hội Bảo trợ phụ nữ và trẻ em nghèo bất hạnh để làm cơ sở hạch toán, quyết toán thu, chi NSNN theo Quyết định phê duyệt dự án của UBND thành phố phát sinh trong năm 2024 với số tiền là 419.880.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục tổng hợp và các Phụ lục đính kèm)

UBND thành phố kính trình HĐND thành phố xem xét, quyết định. /

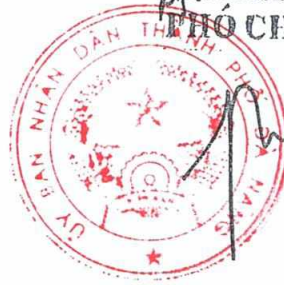
Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND thành phố khóa X;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các Ủy viên UBND thành phố;
- Sở Tài chính và các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, KT.

18/11/2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh



Phụ lục

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 149 /TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng kinh phí điều chỉnh dự toán	Điều chỉnh dự toán của các cơ quan, đơn vị	Chi tiết các nội dung					Điều chỉnh nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
				Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Kinh phí hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí văn bản QPPL	Kiến nghị của KTNN và Cơ quan tài chính		
A	B	1=2+8	2=3+...+7	3	4	5	6	7	8	C
I	ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	13.381.937.311	13.316.781.061	11.248.440.447	1.202.880.514	762.960.100	382.500.000	-280.000.000	65.156.250	
1	Giảm dự toán	-6.665.110.000	-6.665.110.000	-6.385.110.000	0			-280.000.000	0	Phụ lục I
2	Bổ sung dự toán	20.047.047.311	19.981.891.061	17.633.550.447	1.202.880.514	762.960.100	382.500.000	0	65.156.250	Phụ lục II
II	ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VIỆN TRỢ CHO ĐƠN VỊ	419.880.000	419.880.000	419.880.000						Phụ lục III

[Handwritten signature]

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH GIÁM DƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Tờ trình số 149 /TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị / Nội dung	Tinh chất nguồn kinh phí	Dự toán điều chỉnh giảm 06 tháng đầu năm 2024	Nguồn giảm dự toán đã phân bổ cho đơn vị	Chi tiết theo nội dung			Nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kiến nghị của KTNN; Cơ quan tài chính		
			1=2+6	2=3+4+5	3	4	5	6	
TỔNG CỘNG			6.665.110.000	6.665.110.000	6.385.110.000	0	280.000.000	0	
1	Sở Khoa học và Công nghệ		300.000.000	300.000.000	300.000.000	0	0	0	Công văn số 1209/SKHCN-KHTC ngày 02/7/2024
-	Kinh phí thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 và Đề án Quan trắc phóng xạ môi trường	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	300.000.000	300.000.000	300.000.000				Điều chỉnh giảm để chuyển kinh phí qua Thành đoàn Đà Nẵng theo Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 21/12/2021 của UBND thành phố
2	Sở Giao thông vận tải		250.000.000	250.000.000	30.000.000	0	220.000.000	0	Công văn số 3350/SGTVT-TCKT ngày 28/6/2024
a	TT Điều hành Đèn tín hiệu giao thông & VTCC		220.000.000	220.000.000	0	0	220.000.000	0	
-	Thực hiện theo kết luận của Kiểm toán nhà nước: kinh phí tiền lương và chi hoạt động từ NSNN cho các đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần kinh phí, mà chưa giảm trừ tương ứng tỷ lệ tự chủ của các đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	220.000.000	220.000.000			220.000.000		Kiểm toán NSNN năm 2021 kiến nghị giảm 978 trđ, năm 2022 giảm 308 trđ, năm 2023 giảm 450 trđ, số còn lại đề xuất giảm 220 trđ
b	Cảng vụ đường thủy nội địa		30.000.000	30.000.000	30.000.000	0	0	0	
-	Kinh phí trợ cấp Tết	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	30.000.000	30.000.000	30.000.000				- Dự toán 2024 tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND giao 55 triệu đồng - Thực tế chi (theo chứng từ đi KBNN): 25 triệu đồng
3	Sở Nội vụ		20.590.000	20.590.000	20.590.000	0	0	0	Công văn số 1704/SNC-VP ngày 24/5/2024
a	Văn phòng Sở		10.270.000	10.270.000	10.270.000	0	0	0	
	Trợ cấp Tết Nguyên đán	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.270.000	10.270.000	10.270.000				- Dự toán 2024 tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND giao 91.000.000 đồng, đã sử dụng 80.730.000 đồng
b	Ban Thi đua - Khen thưởng		4.160.000	4.160.000	4.160.000	0	0	0	
	Trợ cấp Tết Nguyên đán	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.160.000	4.160.000	4.160.000				- Dự toán 2024 tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND giao 29.000.000 đồng, đã sử dụng 24.840.000 đồng
c	Ban Tôn giáo		6.160.000	6.160.000	6.160.000	0	0	0	
	Trợ cấp Tết Nguyên đán	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.160.000	6.160.000	6.160.000				- Dự toán 2024 tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND giao 31.000.000 đồng, đã sử dụng 24.840.000 đồng

STT	Đơn vị / Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Dự toán điều chỉnh giảm 06 tháng đầu năm 2024	Nguồn giảm dự toán đã phân bổ cho đơn vị	Chi tiết theo nội dung			Nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kiến nghị của KTNN; Cơ quan tài chính		
			$1=2+6$	$2=3+4+5$	3	4	5	6	
4	Sở Giáo dục và Đào tạo		3.451.000.000	3.451.000.000	3.451.000.000	0	0	0	Công văn số 1623/SGĐĐT-TCCB ngày 10/6/2024
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	3.451.000.000	3.451.000.000	3.451.000.000				Dự toán 2024 tại Quyết định số 2779/QĐ-UBND giao 3.451 trđ, tuy nhiên nội dung này sử dụng từ nguồn dự toán các quận huyện. Do đó, tại Công văn số 1623/SGĐĐT-TCCB ngày 10/6/2024, Sở GD&ĐT đề nghị điều chỉnh giảm
5	BQL khu công nghệ cao và các KCN		2.557.000.000	2.557.000.000	2.557.000.000	0	0	0	Công văn số 1021/BQL-VP ngày 10/5/2024
-	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.557.000.000	2.557.000.000	2.557.000.000				Đề nghị điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước đã cấp kinh phí duy tu hạ tầng KCNC tương ứng theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước
6	Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở)		60.000.000	60.000.000	0	0	60.000.000	0	Công văn số 1531/STTTT-ĐTHTS ngày 02/7/2024
-	KP cắt giảm 10% chi thường xuyên 06 tháng cuối năm 2021 theo Nghị quyết 58/NQ-CP	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	60.000.000	60.000.000			60.000.000		Thực hiện theo Kết luận Kiểm toán nhà nước NSNN năm 2021
7	Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường)		26.520.000	26.520.000	26.520.000	0	0	0	Công văn số 3170/STNMT-KHTC ngày 02/7/2024
-	Kinh phí trợ cấp Tết	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	26.520.000	26.520.000	26.520.000				Đã thực hiện hết nhiệm vụ chi

KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Tờ trình số **149** /TTr-UBND ngày **19** tháng **7** năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Đơn vị / Nội dung	Linh chất nguồn kinh phí	Tổng kinh phí điều chỉnh 06 tháng đầu năm 2024	Tổng	Chi tiết theo nội dung				Bổ sung nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL		
			1=2+7	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	
	TỔNG CỘNG		20.047.047.311	19.981.891.061	17.633.550.447	1.202.880.514	762.960.100	382.500.000	65.156.250	
1	Sở Văn hóa và Thể thao		1.972.681.100	1.972.681.100	1.932.681.100	0	0	40.000.000	0	Theo Công văn số 1566/SVHTT-KHTC ngày 04/6/2024
a	Văn phòng Sở		1.818.941.100	1.818.941.100	1.778.941.100	0	0	40.000.000	0	
-	Hỗ trợ xây dựng dữ liệu hóa văn hóa vật thể (Kiến trúc, trang phục, nghệ thuật, ẩm thực, trang phục...) và văn hóa phi vật thể gồm lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian, nghệ thuật, văn nghệ dân gian, trí thức dân gian, ẩm thực, chữa bệnh... của đồng bào Cơ Tu	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	500.000.000	500.000.000	500.000.000	0	0	0	0	Điểm c, mục 1, Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/10/2022 Ban hành Đề án Xây dựng chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy văn hóa đồng bào dân tộc Cơ Tu giai đoạn 2022-2030
-	Hỗ trợ thiết bị tập luyện thể dục thể thao cho các thôn vùng đồng bào Cơ Tu	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	100.000.000	100.000.000	100.000.000	0	0	0	0	Điểm d mục 6 Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 08/10/2022 Ban hành Đề án Xây dựng chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát huy văn hóa đồng bào dân tộc Cơ Tu giai đoạn 2022-2030
-	Kinh phí Xây dựng Đề án Phát triển các ngành Công nghiệp văn hóa thành phố Đà Nẵng đến năm 2030	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	502.274.000	502.274.000	502.274.000	0	0	0	0	Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố
-	Kinh phí thực hiện Sân khấu, âm thanh, ánh sáng và màn hình LED phục vụ 04 đêm tổ chức chương trình nghệ thuật nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	232.260.000	232.260.000	232.260.000	0	0	0	0	Theo Công văn số 26/HĐND-KTNS ngày 07/02/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí tổ chức chương trình nghệ thuật "Chào Xuân 2024" nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	64.000.000	64.000.000	64.000.000	0	0	0	0	Theo Công văn số 26/HĐND-KTNS ngày 07/02/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí thanh toán khối lượng thi công trình sửa chữa trụ sở Thư viện Khoa học Tổng hợp	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	180.407.100	180.407.100	180.407.100	0	0	0	0	Số quyết toán (1.057.260.000 đồng) theo Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành số 03/QĐ-STC ngày 08/01/2024; đã thanh toán 876.852.900 đồng, Số còn phải thanh toán 108.407.100 đồng
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40.000.000	40.000.000				40.000.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND TP
-	Khen thưởng CLB bóng đá SHB Đà Nẵng xuất sắc đoạt chức vô địch giải bóng đá hạng nhất quốc gia năm 2023-2024	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	200.000.000	200.000.000	200.000.000					Thông báo số 41-TB/BCĐ ngày 25/6/2024 của Ban cán sự Đảng, Công văn số 3457/UBND-KGVX ngày 28/8/2024 của UBND thành phố và đề nghị của Sở VH&TT (tại Công văn số 1982/SVHTT-KHTC ngày 08/7/2024), Sở Nội vụ (tại Công văn số 2187/SNV-BTĐKT ngày 08/7/2024).
b	Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh		80.740.000	80.740.000	80.740.000	0	0	0	0	
-	Kinh phí tổ chức chương trình nghệ thuật tổng hợp "Mừng Đảng đón Xuân" nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	Kinh phí chỉ thưởng xuyên không giao tự chủ	80.740.000	80.740.000	80.740.000					Theo Công văn số 26/HĐND-KTNS ngày 07/02/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
c	Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh		73.000.000	73.000.000	73.000.000	0	0	0	0	

STT	Đơn vị / Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Tổng kinh phí điều chỉnh 06 tháng đầu năm 2024	Tổng	Chi tiết theo nội dung				Bổ sung nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL		
			1=2+7	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	
-	Kinh phí tổ chức chương trình nghệ thuật nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	73.000.000	73.000.000	73.000.000					Theo Công văn số 26/HĐND-KTNS ngày 07/02/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng
2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		504.566.000	504.566.000	0	468.866.000	11.300.000	24.400.000	0	
a	Văn phòng Sở		115.109.000	115.109.000	0	79.909.000	10.800.000	24.400.000	0	Công văn số 2254/SNN-KHTCXD ngày 11/6/2024
-	Chi con người	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	79.909.000	79.909.000		79.909.000				
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	10.800.000	10.800.000			10.800.000			Do tăng lương định kỳ theo quy định
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	24.400.000	24.400.000				24.400.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND TP
b	Chi cục Kiểm lâm (chi con người)		388.957.000	388.957.000	0	388.957.000	0	0	0	Do tăng lương định kỳ theo quy định
-	Văn Phòng CCKL	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	49.385.000	49.385.000		49.385.000				
-	Hạt kiểm lâm Hòa Vang	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	93.398.000	93.398.000		93.398.000				
-	Hạt Kiểm lâm Liên Chiểu	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	24.880.000	24.880.000		24.880.000				
-	Hạt Kiểm lâm Sơn Trà - NHS	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	42.085.000	42.085.000		42.085.000				
-	Đội Kiểm lâm Cơ động và PCCCR	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	26.041.000	26.041.000		26.041.000				
-	BQL rừng đặc dụng Bà Nà - Núi Chúa	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	153.168.000	153.168.000		153.168.000				
c	Chi cục Nông nghiệp		500.000	500.000	0	0	500.000	0	0	
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	500.000	500.000			500.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
3	Thanh tra thành phố		800.852.240	735.695.990	586.406.250	126.749.740	22.540.000	0	65.156.250	Công văn số 409/TTTP-VP ngày 10/5/2024 và Công văn số 535/TTTP-VP ngày 14/6/2024
-	Kinh phí trích được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra năm 2024	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	651.562.500	586.406.250	586.406.250				65.156.250	Nghị quyết số 37/2023/UBTVQH15 ngày 06/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
-	Bổ sung các khoản lương và phụ cấp theo lương cho HDLĐ theo ND số 111/2022/ND-CP	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	18.559.740	18.559.740		18.559.740				Căn cứ nhiệm vụ được giao do Thủ trưởng đơn vị quyết định (HDLĐ 111 được giao thêm nhiệm vụ)
-	Chi con người	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	108.190.000	108.190.000		108.190.000				Do tăng lương định kỳ theo quy định

STT	Đơn vị / Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Tổng kinh phí điều chỉnh 06 tháng đầu năm 2024	Tổng	Chi tiết theo nội dung				Bổ sung nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL		
			1=2+7	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	22.540.000	22.540.000			22.540.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
4	Văn phòng UBND thành phố		14.540.000	14.540.000	0	0	14.540.000	0	0	Công văn số 2244/VP-QTTV ngày 06/6/2024
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	14.540.000	14.540.000			14.540.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
5	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố		53.205.000	53.205.000	0	0	53.205.000	0	0	Công văn số 324/VP-HCTCQT ngày 03/7/2024
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	53.205.000	53.205.000			53.205.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND TP
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư		582.065.100	582.065.100	0	0	529.265.100	52.800.000	0	Công văn số 1778/SKHĐT-VP ngày 21/6/2024
-	Kinh phí hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa về đào tạo năm 2024 (Trung tâm Hỗ trợ doanh nghiệp Đà Nẵng)	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	528.265.100	528.265.100			528.265.100			Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND thành phố về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TPĐN giai đoạn 2024-2026
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	1.000.000	1.000.000			1.000.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	52.800.000	52.800.000				52.800.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND TP
7	Thành đoàn Đà Nẵng		316.940.000	316.940.000	300.000.000	0	16.940.000	0	0	Công văn số 324/VP-HCTCQT ngày 03/7/2024
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	16.940.000	16.940.000			16.940.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	300.000.000	300.000.000	300.000.000					Theo đề nghị của Sở KH&CN tại Công văn số 1209/SKHCN-KHTC ngày 02/7/2024
8	Sở Khoa học và Công nghệ		1.055.600.000	1.055.600.000	1.047.100.000	0	0	8.500.000	0	Công văn số 814/SKHCN-QLKH ngày 13/5/2024
-	Kinh phí thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND thành phố	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	1.047.100.000	1.047.100.000	1.047.100.000					Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của UBND thành phố
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.500.000	8.500.000				8.500.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND TP
9	Sở Y tế		44.410.000	44.410.000	0	0	23.910.000	20.500.000	0	Công văn số 1621/SYT/KHTC ngày 08/4/2024
-	Kinh phí đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	23.910.000	23.910.000			23.910.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	20.500.000	20.500.000				20.500.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND TP

STT	Đơn vị / Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Tổng kinh phí điều chỉnh 06 tháng đầu năm 2024	Tổng	Chi tiết theo nội dung				Bổ sung nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL		
			$1=2+7$	$2=3+4+5+6$	3	4	5	6	7	
10	Sở Giao thông vận tải		44.000.000	44.000.000	0	0	1.500.000	42.500.000	0	
a	Thanh tra Sở		1.000.000	1.000.000	0	0	1.000.000	0	0	Công văn số 3350/SGTVT-TCKT ngày 28/6/2024
-	Trợ cấp đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	1.000.000	1.000.000			1.000.000			
b	Văn phòng Sở		43.000.000	43.000.000	0	0	500.000	42.500.000	0	Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Trợ cấp đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	500.000	500.000			500.000			
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	42.500.000	42.500.000				42.500.000		Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
11	Sở Nội vụ		523.799.474	523.799.474	0	459.379.474	64.420.000	0	0	Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND TP
a	Văn phòng Sở		325.519.774	325.519.774	0	277.139.774	48.380.000	0	0	Công văn số 1704/SNC-VP ngày 24/5/2024
-	Chi con người theo chế độ	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	277.139.774	277.139.774		277.139.774				
-	Trợ cấp đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	48.380.000	48.380.000			48.380.000			Do tăng lương định kỳ theo quy định
b	Ban Thi đua khen thưởng		23.925.850	23.925.850	0	7.885.850	16.040.000	0	0	Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Chi con người theo chế độ	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.885.850	7.885.850		7.885.850				
-	Trợ cấp đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	16.040.000	16.040.000			16.040.000			Do tăng lương định kỳ theo quy định
c	Ban Tôn giáo		174.353.850	174.353.850	0	174.353.850	0	0	0	Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Chi con người theo chế độ	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	174.353.850	174.353.850		174.353.850				
12	Sở Giáo dục và Đào tạo		147.885.300	147.885.300	0	147.885.300	0	0	0	Do tăng lương định kỳ theo quy định
-	Chi con người theo chế độ	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	147.885.300	147.885.300		147.885.300				Công văn số 1896/SGĐĐT-KHTC ngày 04/7/2024
13	Sở Thông tin và Truyền thông		1.274.109.000	1.274.109.000	1.274.109.000	0	0	0	0	Do tăng lương định kỳ theo quy định
a	Văn phòng Sở		783.353.000	783.353.000	783.353.000	0	0	0	0	Công văn số 1531/STTTT-ĐTHTS ngày 02/7/2024
-	Kinh phí hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	500.000.000	500.000.000	500.000.000					
										Thông báo số 79/TB-VP ngày 08/3/2024 của UBND thành phố

STT	Đơn vị / Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Tổng kinh phí điều chỉnh 06 tháng đầu năm 2024	Tổng	Chi tiết theo nội dung				Bổ sung nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL		
			$1=2+7$	$2=3+4+5+6$	3	4	5	6	7	
-	Kinh phí công bố Quyết định thành lập Trung tâm Nghiên cứu, đào tạo thiết kế vi mạch và trí tuệ nhân tạo Đà Nẵng và Tòa đảm "Đà Nẵng và Chính sách phát triển vi mạch trí tuệ nhân tạo"	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	118.885.000	118.885.000	118.885.000					Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 23/1/2024 của UBND thành phố; Tờ trình số 14/TTr-STC ngày 15/3/2024 của Sở Tài chính; Công văn số 228/STTTT-ĐTHTS ngày 2/2/24 của Sở TTĐT
-	Kinh phí tổ chức Hội sách chào mừng Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam năm 2024	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	164.468.000	164.468.000	164.468.000					Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 23/4/2024 của UBND thành phố và QĐ số 102/QĐ-STTTT ngày 17/5/2024 của Sở TTĐT
b	Trung tâm Nghiên cứu, đào tạo thiết kế vi mạch và trí tuệ nhân tạo		490.756.000	490.756.000	490.756.000	0	0	0	0	
-	Đề án Phát triển chip bán dẫn và vi mạch của thành phố Đà Nẵng	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	490.756.000	490.756.000	490.756.000					Công văn 2285/UBND-STTTT ngày 03/5/2024 của UBND thành phố; Quyết định số 112/QĐ-STTTT ngày 22/5/2024 của Sở TTĐT
14	Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng Sở)		27.540.000	27.540.000	0	0	14.040.000	13.500.000	0	Công văn số 3170/STNMT-KHTC ngày 02/7/2024
-	Trợ cấp đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	14.040.000	14.040.000			14.040.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	13.500.000	13.500.000				13.500.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố
15	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		1.201.317.000	1.201.317.000	1.009.717.000	0	11.300.000	180.300.000	0	Công văn số 1720/SLĐTBXH-KHTC ngày 10/6/2024
-	Kinh phí cải tạo cảnh quan, sân vườn tại Trung tâm Phụng dưỡng người có công cách mạng	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	496.317.000	496.317.000	496.317.000					Thông báo số 207/TB-VP ngày 16/5/2024 của Văn phòng UBND thành phố; Quyết định số 1131/QĐ-SLĐTBXH ngày 28/6/2024
-	Kinh phí phục vụ đoàn cán bộ hưu trí và người có công cách mạng tham quan thủ đô Hà Nội	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	513.400.000	513.400.000	513.400.000					Công văn số 2624/UBND-SLĐTBXH ngày 17/5/2024 của UBND thành phố
-	Trợ cấp đi học	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	11.300.000	11.300.000			11.300.000			Nghị quyết số 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố Đà Nẵng
-	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	180.300.000	180.300.000				180.300.000		Nghị quyết số 101/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của HĐND thành phố
16	Sở Xây dựng		5.018.270.000	5.018.270.000	5.018.270.000	0	0	0	0	Công văn số 4828/SXD-VP ngày 04/7/2024
a	Ban Nghĩa Trang		18.270.000	18.270.000	18.270.000	0	0	0	0	
-	Kinh phí để thanh toán chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Sửa chữa các tuyến đường, mương thoát nước tại nghĩa trang Hòa Sơn	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	18.270.000	18.270.000	18.270.000					- Công văn số 6304/UBND-SXD ngày 15/11/2023 của UBND thành phố; - QĐ số 171/QĐ-STC ngày 21/5/2024 của Giám đốc Sở Tài chính; - QĐ số 300/QĐ-SXD ngày 01/12/2023 của Giám đốc Sở Xây dựng.
b	TT Quản lý và Khai thác nhà Đà Nẵng		5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5	0	0	0	0

STT	Đơn vị / Nội dung	Tính chất nguồn kinh phí	Tổng kinh phí điều chỉnh 06 tháng đầu năm 2024	Tổng	Chi tiết theo nội dung				Bổ sung nguồn CCTL quản lý tập trung tại ngân sách thành phố	Ghi chú
					Nhiệm vụ UBND thành phố giao	Hoạt động bộ máy (lương, chi hành chính)	Kinh phí tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, trợ cấp đi học	Kinh phí xây dựng văn bản QPPL		
			1=2+7	2=3+4+5+6	3	4	5	6	7	
-	Bảo trì các chung cư thuộc sở hữu nhà nước năm 2024	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000					- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 24/5/2024 của HĐND thành phố; - Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 17/6/2024 của UBND thành phố.
17	Sở Tài chính		1.355.200.000	1.355.200.000	1.355.200.000	0	0	0	0	
-	Chi phí xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.355.200.000	1.355.200.000	1.355.200.000					- Điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ; - Quyết định thi hành chủ động số 267/QĐ-CTHADS ngày 25/7/2023 và Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định về thi hành án số 03/QĐ-CTHADS ngày 18/10/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố; - Bảo giá dịch vụ cho thuê Cont của các đơn vị kinh doanh cho thuê Cont và Hợp đồng thuê Cont, thuê giám định và thẩm định giá hàng hóa.
18	Sở Du lịch		4.910.067.097	4.910.067.097	4.910.067.097	0	0	0	0	Công văn số 1220/SDL-VP ngày 05/7/2024
-	Kinh phí thực hiện đường hoa biển Đà Nẵng năm 2024	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	4.910.067.097	4.910.067.097	4.910.067.097					- Căn cứ Công văn số 95/HĐND-KTNS ngày 09/4/2024 Thường trực HĐND thành phố và Công văn số 2286/UBND-STC ngày 03/5/2024 của UBND thành phố.
19	Cục Hải quan thành phố Đà Nẵng		200.000.000	200.000.000	200.000.000	0	0	0	0	Công văn số 1017/HQĐN-TP ngày 26/6/2024
-	Kinh phí thực hiện tham mưu xây dựng Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	200.000.000	200.000.000	200.000.000					Thực hiện theo Kế hoạch số 2944/UBND-TH ngày 04/6/2024 của UBND thành phố và Phiếu chuyển số 2119/PC-VP ngày 01/7/2024 của VP UBND thành phố

Phụ lục III
BỔ SUNG DỰ TOÁN VIỆN TRỢ CHI THƯỜNG XUYÊN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Kèm theo Tờ trình số 149 /TTr-UBND ngày 13 / 7 /2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)



STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Sự nghiệp	Văn bản phê duyệt dự án	Nhà tài trợ	Thời gian thực hiện Dự án	Tổng số vốn viện trợ ký kết hoặc cam kết		Lũy kế đã tiếp nhận viện trợ từ khi dự án được ký kết đến nay (số đã phản ánh vào NSNN)	Dự toán giao đầu năm 2024	Dự toán bổ sung 2024	Ghi chú
						Vốn viện trợ (VND)	Vốn viện trợ (EUR)				
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG CỘNG											
1	Hội Bảo trợ phụ nữ và trẻ em nghèo bất hạnh					719.880.000			300.000.000	419.880.000	Theo đề nghị của tại Tờ trình số 13/TTr-HBT ngày 14/6/2024
-	Hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ em học và sinh sống tại Trung tâm Nuôi dạy trẻ em khó khăn thành phố Đà Nẵng	ĐBXH	QĐ số 1121/QĐ-UBND ngày 01/6/2024	Tổ chức Viet Nam Education and Social Assistance Foundation, Hoa Kỳ	Tháng 6/2024-tháng 6/2025	719.880.000			300.000.000	419.880.000	

[Handwritten signature]